



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
TÂN ĐẠI HƯNG**

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2013**



TÊN CÔNG TY:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HÙNG.**
- Tên tiếng Anh: **TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên giao dịch: **TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt: **TAN DAI HUNG PLASTIC J.S. CO.,**

TRU SỞ CÔNG TY

- Địa chỉ: **414 Lầu 5, Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, TPHCM.**
- Điện thoại: **(08) 3 9737 277 – 39 737 278**
- Fax: **(08) 3 9737 276 – 39 737 279**
- Website: **<http://www.tandaihungplastic.com>**
- Email: **daihungplastic@hcm.vnn.vn**

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Sản xuất, mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET.
- Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su.
- Mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm ngư nghiệp.

SỨ MẠNG CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HÙNG:

***“Trở Thành Một Trong Những Công Ty Thành Công Hàng Đầu
Trong Ngành Bao Bì PP Và PE Tại Việt Nam Và Châu Á “.***

Thông qua:

- Hình ảnh công ty và thương hiệu sản phẩm: **Danh tiếng và Tin cậy.**
- Nguồn nhân lực: **Chuyên Nghiệp.**
- Sản phẩm: **Chất lượng, Lợi ích cho Khách hàng.**
- Giao nhận và Phân phối: **Kịp thời, Hiệu quả.**
- Giá cả “Cạnh tranh” và phương thức thanh toán **Theo thỏa thuận.**

TÔN CHỈ HÀNH ĐỘNG:

“Suy nghĩ và hành động hiệu quả để đạt được sự hài lòng cao nhất của khách hàng”

MỤC LỤC BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	2
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2013.....	2
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2014	3
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013	8
BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2013	12
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	13
CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....	15
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	16
THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	17
THÔNG TIN KHÁC	20

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1984	1994	1997	2002	2006	2010
Thành lập công ty Nhựa Tân Đại Hưng, chuyên sản xuất bao bì PP tái sinh cung cấp cho các nhà máy hóa chất, phân bón	Trở thành nhà cung cấp bao bì PP lớn nhất cho các công ty xuất nhập khẩu gạo, các công ty nhập và đóng gói bao phân bón tại Cảng Sài Gòn	Tiếp cận thương mại quốc tế và xuất khẩu sang thị trường Châu Âu	Chuyển thành Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng	Khánh thành nhà máy tại Cụm Công nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An Tăng cường xuất khẩu vào thị trường Mỹ, Canada	Tăng vốn điều lệ thành 244.305.960.000 đồng

QUÁ TRÌNH NIÊM YẾT

- **Từ ngày 28/11/2007:** công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng chính thức giao dịch 10,400,000 cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM, theo quyết định số: 149/QĐ-SGDCK ngày 20/11/2007.
- **Từ ngày 30/09/2008:** niêm yết bổ sung 10,146,000 cổ phiếu theo quyết định số 107/QĐ-SGDHCM ngày 30/09/2008.
- **Từ ngày 20/08/2010:** niêm yết bổ sung 3.884.596 cổ phiếu thưởng theo quyết định số 167/QĐ-SGDHCM của Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh ngày 11/08/2010.
- **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông.
- **Mã chứng khoán:** TPC.
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu.
- **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 24,430,596 cổ phiếu
 - ✓ **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 21,268,956 cổ phiếu
 - ✓ **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 3.161.640 cổ phiếu

CÁC SỰ KIỆN KHÁC

- **Từ năm 2003:** áp dụng hệ thống ISO 9001:2000, nâng cấp thành ISO 9001:2008 từ năm 2009.
- **Năm 2006:** đầu tư thành lập công ty TNHH TĐH là nhà máy của Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng.
- **Năm 2007:** được tổ chức TZU của Châu Âu đánh giá cấp “**Chứng nhận đạt các yêu cầu về kiểm soát sản xuất tại nhà máy**”.
- **Từ năm 2009:** áp dụng hệ thống Bộ luật ứng xử “**BSCI**” (trung tự SA 8000) và **Hệ thống quản lý vật liệu an toàn “MSDS”**, được các khách hàng tổ chức đánh giá công nhận đạt các đạt yêu cầu.
- **Từ năm 2003 đến năm 2013:** được Bộ Công Thương (Bộ Thương Mại) liên tục cấp chứng nhận danh hiệu “**Doanh Nghiệp Xuất Khẩu Uy Tín**”.

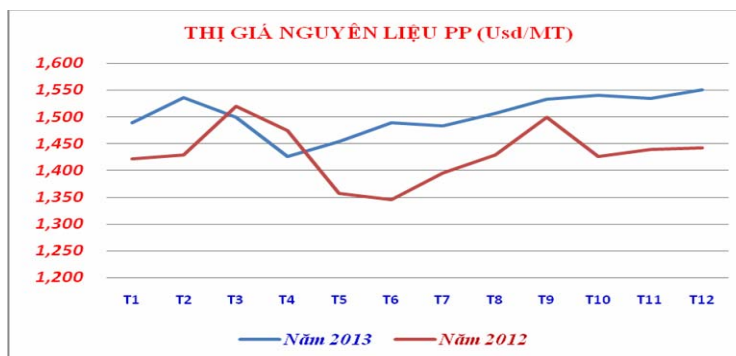
II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Kinh tế thế giới năm 2013 tuy có những dấu hiệu tích cực hơn năm 2012 nhưng sự phục hồi diễn ra chậm hơn mức kỳ vọng. Châu Âu thoát khỏi suy thoái dài nhất trong lịch sử với việc khu vực đồng Euro trong quý 2/2013 lần đầu tiên tăng trưởng dương kể từ quý 4/2011, nhưng cũng chỉ ở mức 0,3% so quý trước, thấp hơn mức trung bình 0,35% kể từ quý 3/2007. Mỹ đã tăng trưởng ổn định trở lại với mức tăng trưởng (so cùng kì năm trước) duy trì trên dưới 2% kể từ quý 1/2010. Tuy nhiên, vấn đề nợ công và thất nghiệp cao ở các nước như Hy Lạp, Italia, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha vẫn đang là mối lo ngại lớn, tiếp tục ảnh hưởng và gây nhiều khó khăn đến nền kinh tế toàn cầu.

Riêng ở Việt Nam, 2013 là năm thứ 6, Việt Nam rơi vào trì trệ, tăng trưởng dưới tiềm năng. Đây cũng là giai đoạn bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài nhất. Trong năm, có hơn 60.000 doanh nghiệp, công ty phá sản, ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế và gây bất ổn thêm cho xã hội. Dù chính phủ hoàn thành mục tiêu kiềm chế được lạm phát, nhưng thị trường giá cả năm 2013 bộc lộ hàng loạt bất cập từ nhiều năm qua mà chưa được khắc phục. Nhất là các chi phí đầu vào như: Điện, xăng dầu đều tăng giá nhiều lần, gây ảnh hưởng nhiều đến chi phí sản xuất và thu nhập của CBCNV.

- **Tình hình giá nguyên liệu:** Do đặc điểm phần lớn nguyên liệu đều phải nhập khẩu, giá nguyên liệu bình quân năm 2013 đã tăng 5% so với năm 2012.



- **Biến động giá nhiên liệu và giá điện:** Trong năm 2013 giá xăng dầu với 11 lần điều chỉnh giá, theo kiểu “giảm ít, tăng nhiều” nên giá xăng vẫn tăng mạnh 2,18% cộng thêm giá điện điều chỉnh tăng 10% góp phần không nhỏ trong việc đẩy chi phí sản xuất tăng cao, tạo thêm nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh.
 - **Tình hình thị trường nội địa:** Một năm khó khăn của toàn ngành, hơn 61,000 doanh nghiệp phá sản, sức mua của thị trường yếu, hàng tồn kho ngày càng tăng. Mặc dù gần cuối năm các báo cáo đều thể hiện các chỉ số kinh tế tốt, nhưng tình hình thực tế chưa như mong đợi. Ngành bao bì nhựa cũng gặp nhiều khó khăn, do ảnh hưởng dây chuyền (*chăn nuôi thì gặp dịch bệnh, thủy sản gặp khó khăn do hàng loạt doanh nghiệp trong ngành phá sản, phân bón giá - nhập lậu...*). Hơn 40% DN trong ngành bao bì phải đóng cửa hoặc sản xuất cầm chừng do thị trường đầu ra không có hoặc tài chính không đủ để trụ...
- ❖ **Tình hình đặc thù của Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng:** Nhờ có thị trường xuất khẩu, TDH luôn điều chỉnh chiến lược để khai thác thị trường tốt. Luôn tìm kiếm khách hàng mới, có tiềm năng, có hiệu quả. Tìm cách tăng dần thị phần ở những khách hàng cũ. Cân đối thị phần giữa các khách hàng, nhằm tránh rủi ro mất cân đối trong sản xuất cũng như đàm phán đơn hàng để tránh gặp nhiều khó khăn.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2013

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Kế hoạch 2013	Thực hiện	% Đạt
01	Sản lượng bao bì	8,600 tấn	10,270 tấn	119.42%
02	Doanh thu	435 tỷ đồng	519,9 tỷ đồng	119.52%
03	Lợi nhuận sau thuế	21,6 tỷ đồng	24,2 tỷ đồng	112.22%

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2014

DỰ BÁO NGẮN HẠN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

- Việt Nam chịu tác động của khủng hoảng kinh tế chậm hơn so với các nước phát triển. Do đó khó khăn vẫn còn tiếp tục trong 2 quý đầu năm, rủi ro vẫn còn hết cả năm 2014. Sức tiêu thụ chưa cải thiện đáng kể, các chính sách phát triển kinh tế chưa thúc đẩy được môi trường kinh doanh trong nước.
- Xu hướng của các doanh nghiệp xuất khẩu là tập trung vào những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, hiện đại hóa dây chuyền công nghệ, chú trọng vào những sản phẩm thân thiện với môi trường, an toàn với sức khỏe tiêu dùng, đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Thị trường Châu Âu và Mỹ tiếp tục có dấu hiệu phục hồi.
- Thuế nhập khẩu hạt nhựa 1% chính thức áp dụng trong năm 2014.
- Áp lực tăng chi phí đầu vào vẫn đè nặng lên các doanh nghiệp khi giá điện, xăng dầu tăng.
- Các doanh nghiệp có sức cạnh tranh kém sẽ tiếp tục bị đào thải.

MỤC TIÊU TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Phân tích định phí và các chi phí không hợp lý nhằm đề ra các biện pháp tiết giảm.
- Tiếp tục tái cấu trúc và cải tiến quy trình tại một số bộ phận như KCS, cắt. Đánh giá hiệu quả việc cải tiến tại các bộ phận đã thực hiện.

- Phát triển thị phần tại các thị trường quen thuộc và tìm kiếm khách hàng ở các thị trường mới. Nghiên cứu các xu hướng và sản phẩm mới.
- Tiếp tục cải tiến quy trình thống kê dữ liệu và lưu chuyển thông tin của công ty.
- Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu kế hoạch cho các phòng ban phân xưởng bám sát mục tiêu công ty. Hoàn thiện hệ thống tiêu chí đánh giá dựa trên kế hoạch mục tiêu.
- Có kế hoạch phát triển nhân sự lâu dài, theo hai hướng: nâng cao năng lực nhân sự nòng cốt và đào tạo đội ngũ kế thừa.
- Chủ động tiếp cận công nghệ mới, cải tiến máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm tỷ lệ phế và tăng tính cạnh tranh của công ty.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

1. Về hoạt động kinh doanh & cung ứng /gia công:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiếp thị tìm kiếm thêm khách hàng. Trong đó ưu tiên xuất khẩu
- Tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, chú trọng thu thập và phân tích thông tin về xu hướng thị trường và đối thủ cạnh tranh để có các chính sách thị trường phù hợp và hiệu quả
- Cần linh hoạt trong việc đàm phán về giá (chính sách giá hợp lý để ưu tiên nhận đơn hàng có số lượng lớn)
- Phối hợp P.KTTC để thường xuyên theo dõi tình hình công nợ bán hàng => Thông qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng.

2. Về Kỹ thuật Công nghệ và Chất lượng sản phẩm:

a) Công nghệ:

- Tận dụng các nguyên liệu, phụ gia tồn kho và đảm bảo các PXSX sử dụng đúng mã số, cấp chất lượng. Đánh giá toàn bộ việc sử dụng phụ gia như: hạt màu, UV, mực in,... để cải tiến sử dụng phù hợp từng đơn hàng tương ứng với chất lượng phụ gia mua vào.
- Đánh giá máy móc thiết bị toàn công ty: Sợi, dệt, tráng, cắt, in và cải tiến phù hợp với năng suất, tính năng của sản phẩm
- Hỗ trợ BGD chất chính các PX sản xuất về việc thiết lập, kiểm soát qui trình SX từng phân xưởng hiệu quả
- Tiếp tục cải tiến hoạt động kiểm soát chất lượng tại khâu cắt, in, đóng kiện thành phẩm.
- Tăng cường phân tích sản phẩm cạnh tranh, tạo thêm nhiều mẫu mới có giá trị gia tăng cao

b) Quản lý chất lượng:

- Đào tạo tiếp tục nhân viên QA tại phân xưởng sợi và dệt để kiểm soát chặt chẽ tính tuân thủ qui định.
- Cải tiến thông tin thống kê, báo cáo sót lỗi phân xưởng cắt làm cơ sở cho BGD đánh giá hoạt động SX các bộ phận.
- Cơ cấu toàn bộ mô hình QA, nhiệm vụ, tiêu chí đánh giá.

c) Cơ điện:

- Tuân thủ thực hiện đúng kế hoạch BTSC bang hành , Giám sát đánh giá kết quả BTSC của các phân xưởng. Giảm số lần xảy ra sự cố phát sinh hư hỏng do BTSC kém
- Giải quyết kịp thời nhanh nhất những hư hỏng phát sinh MMTB để kịp SX không ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng mà nguyên nhân do MMTB
- Quản lý, kiểm soát VTKT hiệu quả
- Sửa chữa tận dụng và chế tạo VTKT kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng BTSC góp phần giảm chi phí VTKT do phải mua mới.
- Quản lý kiểm soát sử dụng các nguồn năng lượng : Điện – Nước hiệu quả
- Quản lý tốt các thông số kỹ thuật : Tải , công suất tiêu thụ của thiết bị, hệ số Cos ψ , Độ lệch pha.
- Quản lý về an toàn trong quá trình sử dụng.
- Thực hiện tốt và duy trì các giải pháp tiết kiệm.

3. Về sản xuất:

- Tuân thủ Qui trình sản xuất Ban giám đốc ban hành & hệ thống ISO.
- Giải quyết tất cả các sự cố về chất lượng sản phẩm và MMTB trong vòng 24h.
- Bộ phận sản xuất tuân thủ việc thực hiện đúng 07 trọng tâm của TGD giao cho BPSX :
 - Kiểm soát sản lượng, trọng lượng và năng suất, đảm bảo lịch giao hàng.
 - Giảm lỗi và chống sót lỗi.
 - Tiết kiệm giảm chi phí vật tư kỹ thuật.
 - Kiểm soát giảm thời gian ngừng máy.
 - Tiết kiệm điện và nhiên liệu.
 - Giảm phế liệu phế phẩm.
 - Duy trì trật tự vệ sinh, phòng chống côn trùng và tai nạn lao động.

- Nhân viên KHDD & GC tuân thủ việc báo cáo dữ liệu chính xác, kịp thời và đúng ngày theo qui định cho TGD & các TBP, các QLPX.
 - Tổ gia công cam kết thực hiện việc gia công theo kế hoạch chỉ tiêu TDH 2014 : hoàn thành và vượt trên 100% năng lực SX.
4. **VỀ HCNS:**
- Tuyển dụng: Đáp ứng yêu cầu sản xuất kịp thời và giảm tỷ lệ nghỉ việc.
 - Đào tạo: triển khai 07 chương trình đào tạo, trọng tâm là chương trình đào tạo triển khai hệ thống đánh giá theo tiêu chí KPIs và xây dựng hệ thống thông tin báo cáo
 - An toàn lao động và Vệ sinh công nghiệp: (1) xây dựng hướng dẫn thao tác làm việc an toàn đối với từng nhóm máy cụ thể, (2) cải thiện máy móc thiết bị để đảm bảo an toàn.
 - An ninh trật tự: Tiếp tục cải tiến hệ thống phòng chống trộm cắp.
 - Cấu trúc công ty, Cơ cấu nhân sự, Quy trình và chính sách: Tiếp tục xây dựng và chuẩn hóa quy trình làm việc tại QA, In, Tráng, Tổ thống kê, cắt. Tiếp tục rà soát và xin ý kiến điều chỉnh thu nhập cho các vị trí nhân viên phòng ban. Rà soát và hoàn thiện hệ thống định mức, đơn giá tại công ty. Tổ chức sắp xếp và lưu trữ hồ sơ ngăn nắp, dễ tra cứu.
5. **VỀ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN:**
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở thống kê dữ liệu & báo cáo
 - Kiểm soát công nợ và dự báo nợ. Phát hiện và xử lý kịp thời các khoản nợ quá hạn. Không để xảy ra trường hợp nợ xấu phát sinh trong năm.
 - Tăng cường kiểm tra và kiểm soát chi phí. Rà soát và kiểm tra đối chiếu với tất cả các số liệu có liên quan. Hỗ trợ các phòng ban phân tích mức tăng giảm chi phí của từng phân xưởng nhằm tiết giảm chi phí, giảm giá thành, tăng lợi nhuận.
 - Kiểm tra việc tuân thủ quy trình xuất nhập kho, lưu trữ chứng từ sổ sách để đảm bảo không bị sai sót hoặc thất thoát.
 - Theo dõi các khoản đầu tư, tích cực tìm kiếm lợi nhuận tài chính khác. Đảm bảo dòng tiền chi trả cho các khoản nợ phải trả, nợ vay...Đáp ứng kịp tiến độ thanh toán.
 - Theo dõi giám sát chặt chẽ hàng tồn kho & phối hợp các Bộ phận khác để có hướng xử lý kịp thời.

CHỈ TIÊU NĂM 2014

<i>STT</i>	<i>Chỉ tiêu cơ bản</i>	<i>Năm 2014</i>
01	Sản lượng bao bì	9,700 tấn
02	Doanh thu	477,5 tỷ đồng
03	Lợi nhuận sau thuế	17 tỷ đồng
04	Cổ tức	8.0%

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2013:

- Môi trường kinh doanh năm 2013 tiếp tục khó khăn, đặc biệt là thị trường nội địa.
- Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã có những định hướng đúng, tập trung lãnh đạo và giám sát toàn diện tổ chức hoạt động của công ty, động viên và hỗ trợ tối đa cho bộ máy điều hành, cùng với việc phát huy được tinh thần chủ động, đoàn kết trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công nhân nòng cốt, chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần, là những nhân tố quyết định làm cho tổ chức công ty vẫn ổn định, phát triển.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 đạt những kết quả:
 - ✓ Tổng sản lượng đạt hơn 10,270 tấn.
 - ✓ Tổng doanh thu: 519,9 tỷ.
 - ✓ Tỷ trọng xuất khẩu đạt 74,9%.
 - ✓ Tổng lợi nhuận sau thuế 24,2 tỷ đồng.
- Công ty vẫn có thị phần ổn định, và có tiềm năng phát triển ở một số thị trường mới.
- Tài sản và nguồn vốn của công ty được bảo đảm, tình hình tài chính luôn lành mạnh.

QUẢN TRỊ RỦI RO:

Trong năm 2013, công ty đã hết sức chú trọng thực hiện các biện pháp phòng chống rủi ro, bao gồm:

- Theo dõi tình hình kinh tế và các chính sách vĩ mô tại các khu vực của khách hàng xuất khẩu, liên hệ thông tin hai chiều thường xuyên với các khách hàng.
- Kiểm soát chặt chẽ công nợ bán hàng, thường xuyên đánh giá khả năng thanh toán của các khách hàng qua việc đặt hàng và chi trả.
- Thực hiện Bảo hiểm cho tất cả hàng hóa; kiểm soát quá trình xuất nhập giao hàng và vận chuyển.
- Xây dựng lại định mức tồn kho, đảm bảo được sự ổn định cho sản xuất và nguồn vốn được sử dụng hiệu quả.
- Theo dõi chính sách kinh tế, tình hình tỷ giá tại Việt Nam để sử dụng nguồn USD có lợi nhất.
- Tính toán kỹ lưỡng năng lực và tiến độ khi nhận đơn hàng vì vậy tránh được những phàn nàn và chệch tài của khách hàng do giao hàng trễ.

TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI:

- Với những lợi thế về quy mô và khả năng tài chính, đang có một lượng khách hàng truyền thống & then chốt và khá ổn định, Thương hiệu của công ty được tin cậy cùng với cùng với khả năng cạnh tranh của công ty trên cả hai thị trường nội địa và xuất khẩu là những cơ sở và thời cơ để công ty Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng tiếp tục phát triển vững - mạnh mặc dù thị trường đang có những biến động khó lường và cạnh tranh khốc liệt.
- HĐQT sẽ tập trung vào một số hoạt động có tính đột phá trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty như sau:
 - Đầu tư đổi mới dần các loại máy móc thiết bị sản xuất mới để tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng.
 - Mở rộng quan hệ, tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các dự án dài hạn khác để tăng hiệu quả sử dụng vốn.

V. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

1.1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

<i>Các chỉ tiêu</i>	<i>2012</i>	<i>2013</i>
<i>1/. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
<i>* Hệ số thanh toán ngắn hạn</i>	2.37	3.05
<i>* Hệ số thanh toán nhanh</i>	1.68	2.31
<i>2/. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
<i>* Hệ số nợ / tổng tài sản</i>	0.52	0.47
<i>* Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu</i>	0.9	0.9
<i>3/. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
<i>* Vòng quay hàng tồn kho</i>	2.15	2.09
<i>* Doanh thu thuần trên tổng tài sản</i>	1.06	0.99
<i>4/. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
<i>* Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu</i>	3,40%	4,90%
<i>* Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</i>	7,40%	9,30%
<i>* Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản</i>	3,55%	4,90%
<i>* Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh / doanh thu thuần</i>	3,36%	3,80%

1.2. Tóm tắt giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

<i>Nội dung</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
TÀI SẢN NGẮN HẠN	592,786,152,044	522,892,650,141
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	21,014,250,213	111,581,303,792
<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	123,500,000,000	28,167,500,000
<i>Các khoản phải thu</i>	269,073,823,974	235,600,696,840
<i>Hàng tồn kho</i>	170,894,704,572	126,530,875,631
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	8,303,373,285	21,012,273,878

TÀI SẢN DÀI HẠN	67,133,129,139	90,773,773,626
<i>Tài sản cố định</i>	44,216,907,058	46,525,819,631
<i>Bất động sản đầu tư</i>	0	20,654,438,844
<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	22,035,061,600	23,167,692,300
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	881,160,481	425,822,851
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	659,919,281,183	613,666,423,767
NỢ PHẢI TRẢ	343,542,177,727	290,627,247,380
<i>Nợ ngắn hạn</i>	250,413,586,252	171,633,375,284
<i>Nợ dài hạn</i>	93,128,591,475	118,993,872,096
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	316,377,103,455	323,039,176,387
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	316,377,103,455	323,039,176,387
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	659,919,281,183	613,666,423,767

1.3. Tóm tắt các chỉ tiêu – chỉ số:

Chỉ tiêu-chỉ số	2012	2013
Tổng Tài Sản		
<i>Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài Sản (%)</i>	85.21%	89.83%
<i>Tài sản Dài hạn/Tổng Tài Sản (%)</i>	14.79%	10.17%
Nợ phải trả		
<i>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)</i>	47.36%	52.06%
<i>Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)</i>	52.64%	47.94%
<i>Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)</i>	89.97%	108.59%
Các chỉ số Tài chính		
Tỷ số khả năng thanh toán		
<i>Tỷ số khả năng thanh toán nhanh</i>	2.31	1.68
<i>Tỷ số khả năng thanh toán = tiền mặt</i>	0.81	0.58
Tỷ Số Lợi nhuận		
<i>Tỷ Số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (LN biên)</i>	4.93%	3.36%
<i>Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)</i>	4.88%	3.55%
<i>Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)</i>	9.27%	7.41%
<i>Tỷ Số Lợi nhuận/ Toàn bộ vốn SXKD</i>	5.26%	3.68%
<i>Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cổ phần</i>	1,409	1,103

2. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013:

Tổng sản lượng (XK+NĐ) năm 2013: Đạt 10.269,8 tấn, tăng 15,6% so với năm 2012, trong đó:

- Tổng Sản lượng XK năm 2013: 6.423,7 tấn, tăng 6,9% so với năm 2012
- Tổng Sản lượng NĐ năm 2013: 3.846,2 tấn, tăng 33,7% so với năm 2012

Tổng Doanh thu (XK+NĐ) năm 2013: Đạt 520,7 tỷ, tăng 9,1% so với năm 2012, , trong đó:

- Tổng Doanh thu XK năm 2013: Đạt 389,84 tỷ, tăng 6,3% so với năm 2012
- Tổng Doanh thu NĐ năm 2013: Đạt 130,87 tỷ, tăng 18,1% so với năm 2012

Tỷ trọng Xuất Khẩu / Nội Địa năm 2013

	2012		2013	
	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa
Sản lượng	68%	32%	63%	38%
Doanh thu	77%	23%	75%	25%

Năm 2013 là năm vẫn còn rất nhiều khó khăn cho cả thị trường trong nước lẫn quốc tế, riêng ngành bao bì chịu tác động của khủng hoảng kinh tế muộn hơn các ngành khác, cộng thêm giá cả và chi phí đầu vào tăng vọt (điện 10%, xăng dầu hơn 2%, hạt nhựa hơn 5%). Tuy nhiên, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch đề ra, giữ và tạo được công ăn việc làm cho hơn 750 lao động, đồng thời còn đem lại lợi nhuận cho cổ đông.

3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

(Đã được kiểm toán bởi Công Ty Kiểm Toán và Tư Vấn A&C- Tất cả Báo cáo tài chính 2013 đã kiểm toán và chứng thư kiểm toán, gồm báo cáo “hợp nhất” và báo cáo của công ty “mẹ”, các báo cáo thuyết minh đều được tải lên và lưu trữ tại website công ty)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>				
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		592,786,152,044	522,892,650,141
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		21,014,250,213	111,581,303,792
1 Tiền	111	V.1	16,014,250,213	18,381,303,792
2 Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	93,200,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		123,500,000,000	28,167,500,000
1 Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	123,500,000,000	28,167,500,000
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		269,073,823,974	235,600,696,840
1 Phải thu của khách hàng	131	V.3	219,767,041,544	221,922,728,402
2 Trả trước cho người bán	132	V.4	45,077,735,734	12,121,450,363
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	138	V.5	6,849,758,901	4,510,546,845
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(2,620,712,205)	(2,954,028,770)
IV. Hàng tồn kho	140		170,894,704,572	126,530,875,631
1 Hàng tồn kho	141	V.7	170,894,704,572	126,530,875,631
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8,303,373,285	21,012,273,878
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		581,902,670	2,950,000
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6,364,695,135	18,589,136,465
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	96,763,655	484,588,413
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1,260,011,825	1,935,599,000
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67,133,129,139	90,773,773,626
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Phải thu nội bộ dài hạn	212		-	-
3 Phải thu dài hạn khác	213		-	-
4 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		44,216,907,058	46,525,819,631
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	44,216,907,058	46,525,819,631
<i>Nguyên giá</i>	222		95,758,399,950	90,870,123,059
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(51,541,492,892)	(44,344,303,428)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	IV.10	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		164,800,000	164,800,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(164,800,000)	(164,800,000)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.11	-	20,654,438,844
<i>Nguyên giá</i>	241		-	20,654,438,844
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		22,035,061,600	23,167,692,300
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	-	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	34,944,447,615	32,844,447,615
4 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.14	(12,909,386,015)	(9,676,755,315)
V. Tài sản dài hạn khác	260		881,160,481	425,822,851
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		727,075,418	271,737,788
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		154,085,063	154,085,063
3 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		659,919,281,183	613,666,423,767

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		343,542,177,727	290,627,247,380
I.	Nợ ngắn hạn	310		250,413,586,252	171,633,375,284
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	197,943,913,238	116,650,909,685
2	Phải trả cho người bán	312	V.16	29,731,588,484	25,725,833,162
3	Người mua trả tiền trước	313	V.17	4,949,418,346	5,310,192,475
4	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.18	1,345,060,857	4,770,203,081
5	Phải trả người lao động	315	V.19	7,206,455,501	8,640,775,789
6	Chi phí phải trả	316	V.20	1,352,134,614	956,621,457
7	Phải trả nội bộ	317		.	.
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		.	.
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.21	7,885,015,212	9,578,839,641
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		.	.
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		.	.
12	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		.	.
II.	Nợ dài hạn	320		93,128,591,475	118,993,872,090
1	Phải trả dài hạn người bán	321		.	.
2	Phải trả dài hạn nội bộ	322		.	.
3	Phải trả dài hạn khác	323		.	.
4	Vay và nợ dài hạn	324	V.22	93,128,591,475	118,993,872,090
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		.	.
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.15	.	.
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		.	.
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		.	.
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		.	.
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		316,377,103,456	323,039,176,387
I.	Vốn chủ sở hữu	410		316,377,103,456	323,039,176,387
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	244,305,960,000	244,305,960,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	86,242,518,451	86,242,518,451
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		.	.
4	Cổ phiếu quỹ	414	V.23	(40,632,476,860)	(40,632,476,860)
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		.	.
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.23	.	.
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		.	.
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		.	.
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		.	.
10	Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.23	26,461,101,865	33,123,174,790
11	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		.	.
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		.	.
1	Nguồn kinh phí	431		.	.
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		.	.
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		.	.
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		659,919,281,183	613,666,423,767
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT					
	CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Tài sản thuê ngoài				
2					
3	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4	Nợ khó đòi đã xử lý				
5	Ngoại tệ các loại:				
	Dollar Mỹ (USD)			432,238	651,855
	Euro (EUR)			21	21
6	Dự toán chi phí hoạt động				

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			Năm nay	Năm trước
1 <i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	1	VI.1	698,251,639,484	617,738,976,729
2 <i>Các khoản giảm trừ</i>	3	VI.1	320,349,587	10,361,677,317
3 <i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	10	VI.1	697,931,289,897	607,377,299,412
4 <i>Giá vốn hàng bán</i>	11	VI.2	639,475,943,264	575,398,977,822
5 <i>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	20		58,455,346,633	31,978,321,590
6 <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	21	VI.3	7,922,588,711	43,408,314,269
7 <i>Chi phí tài chính</i>	22	VI.4	16,696,944,413	21,238,426,299
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		11,338,453,309	21,843,433,371
8 <i>Chi phí bán hàng</i>	24	VI.5	16,629,817,985	17,346,550,647
9 <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	25	VI.6	16,629,817,985	17,346,550,647
10 <i>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	30		18,164,757,262	23,128,355,041
11 <i>Thu nhập khác</i>	31	VI.7	10,243,732,544	148,724,285,999
12 <i>Chi phí khác</i>	32	VI.8	410,603,089	138,691,014,789
13 <i>Lợi nhuận khác</i>	40		9,833,129,455	10,033,271,210
14 <i>Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</i>	45			
15 <i>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	50		27,997,886,717	33,161,626,251
16 <i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i>	51	V.18	4,546,135,249	3,203,864,307
17 <i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</i>	52			
18 <i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	60		23,451,751,468	29,957,761,944
19 <i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	70	VI.9	1,103	1,409

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013 (Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế		01	27,997,886,717	33,161,626,251	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.10; V.11 8,587,620,218	9,958,251,479	
-	Các khoản dự phòng	03	V.6; V.14 2,899,314,135	(345,206,134)	
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3 1,702,053,214	(3,015,425,208)	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7; VI.8 (6,476,483,143)	(34,953,904,695)	
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4 11,338,453,309	21,843,433,371	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		08	46,048,844,450	26,648,775,064	
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(130,633,058,762)	102,473,075,244	
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(23,709,390,097)	21,997,324,876	
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	109,061,031,857	30,755,702,857	
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(814,418,031)	(62,593,661)	
-	Tiền lãi vay đã trả	13	V.20; VI.4 (10,745,729,926)	(27,098,014,874)	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18 (4,659,767,465)	(9,064,125,038)	
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-	
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	-	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15,452,487,975)	151,308,255,399	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.11; VII (6,786,585,000)	(22,790,118,781)	
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7 322,000,000	377,427,273	
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2 (303,800,000,000)	(27,455,500,000)	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	204,300,000,000	-	
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(2,100,000,000)	-	
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.12; V.13 -	19,250,000,000	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3 7,837,583,939	26,068,070,096	
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(100,227,001,061)	(4,550,121,412)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15 328,177,483,160	451,957,162,094	
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15 (273,288,399,717)	818,703,562,453)	
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-	
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23 (29,776,538,400)	(42,983,344,004)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	25,112,545,043	(409,729,744,363)	
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(90,566,943,993)	(262,971,610,377)	
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	111,581,303,792	374,470,274,342	
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(109,586)	(644,808,425)	
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	21,014,250,213	374,470,274,342	

4. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP:

4.1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công Ty Kiểm Toán và Tư Vấn A&C.

2.2. Chứng thư (báo cáo) kiểm toán:



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W.2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0307/2014/BCTIC-KTIV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (công ty mẹ) và Công ty TNHH ĐHLI (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) được lập ngày 25 tháng 02 năm 2014, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp; lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công Ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C
Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2014

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

VI. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng quy định về quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng, Báo cáo tài chính năm 2013 của công ty, đã được kiểm toán độc lập.

Để thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; Ban Kiểm soát đã tiến hành giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của công ty với các nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc công ty;
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013;
- Kiểm tra báo cáo tài chính năm 2013;
- Kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2013.

1. Các hoạt động của Ban kiểm soát

- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị công ty, để giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia đóng góp ý kiến những vấn đề có liên quan.
- Xem xét các báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh, kiểm tra các báo cáo tài chính năm; xem xét báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập, về báo cáo tài chính của công ty.
- Thực hiện giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.
- Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013. Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013;
- Chia cổ tức năm 2012 bằng tiền tỷ lệ 14%.
- Thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 9 (thay đổi người đại diện pháp luật).

3. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013

- Năm 2013 là một năm khó khăn đối chung với kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.
- Báo cáo tài chính năm 2013 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán A&C. Báo cáo phân tích trung thực, hợp lý, đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty. Báo cáo được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, các khoản chi phí, khoản trích dự phòng, được ghi nhận đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Ban kiểm soát đã thẩm tra báo cáo tài chính, qua đó thống nhất kết quả kiểm toán năm 2013 và đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán.

4. Tình hình thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của năm 2013 đạt được như sau:

DVT : tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
1	Sản lượng bao bì (tấn)	8.600	10.269	119,42%
2	Doanh thu	435	519,9	119,52%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21,6	24,2	112,22%

Bảng cân đối kế toán

	TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	592,786,152,044	522,892,650,141
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	21,014,250,213	111,581,303,792
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	123,500,000,000	28,167,500,000
III.	Các khoản phải thu	269,073,823,974	235,600,696,840
IV.	Hàng tồn kho	170,894,704,572	126,530,875,631
V.	Tài sản ngắn hạn khác	8,303,373,285	21,012,273,878
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	67,133,129,139	90,773,773,626
II.	Tài sản cố định	44,216,907,058	46,525,819,631
III.	Bất động sản đầu tư	-	20,654,438,844
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	22,035,061,600	23,167,692,300
V.	Tài sản dài hạn khác	881,160,481	425,822,851
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	659,919,281,183	613,666,423,767

	NGUỒN VỐN	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	343,542,177,727	290,627,247,380
I.	Nợ ngắn hạn	250,413,586,252	171,633,375,284
II.	Nợ dài hạn	93,128,591,475	118,993,872,096
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	316,377,103,456	323,039,176,387
I.	Vốn chủ sở hữu	316,377,103,456	323,039,176,387
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	659,919,281,183	613,666,423,767

5. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty

5.1. Đối với Hội đồng quản trị

- HĐQT hoạt động theo chế độ kiểm nhiệm, tuy nhiên vẫn thường xuyên họp định kỳ hay đột xuất, nhằm kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp trong công tác điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT là trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Việc thảo luận và biểu quyết là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- HĐQT trong thẩm quyền của mình luôn tạo điều kiện thuận lợi và chỉ đạo kịp thời cho Ban Giám đốc công ty, điều hành hoạt động theo đúng định hướng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ công ty, nhằm đảm bảo cho sự phát triển của công ty và quyền lợi của các cổ đông.
- HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc quản lý và điều hành. Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong hoạt động của Hội đồng quản trị.

5.2. Hoạt động điều hành của Ban Giám đốc:

- Ban Giám đốc với trách nhiệm trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Cty và thực hiện đúng các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT một cách đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ công ty. Ban Giám đốc còn chủ động kiến nghị, đề xuất ý kiến với HĐQT về công tác quản lý và điều hành công ty.
- Ban Giám đốc công ty, thường xuyên chỉ đạo các cán bộ quản lý, người lao động thực hành tiết kiệm chi phí sản xuất, nhằm duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Ban Giám đốc đã sửa đổi, ban hành và bổ sung các chính sách, quy định, quy trình, quản trị nội bộ, giúp hoạt động của công ty được thuận lợi và hiệu quả.
- Thực hiện công bố thông tin công ty kịp thời, đúng thời gian quy định. Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong hoạt động điều hành của Ban Giám đốc công ty.

6. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

- Công ty đã thực hiện việc trả thù lao cho Ban kiểm soát theo mức chi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua. Tổng số thù lao đã chi cho Ban kiểm soát trong năm 2013 là 180.000.000 đồng.

7. Kiến nghị của Ban Kiểm soát :

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần thúc đẩy Phòng Công nghệ cải tiến việc sử dụng công thức phối trộn mới nhằm giảm chi phí, tăng lợi nhuận.
- Ban Giám đốc cần cơ cấu lại các nhóm sản phẩm để tăng cường khả năng quản lý và cạnh tranh.
- Phòng Kinh doanh và Phòng kế toán cần tăng cường quản trị rủi ro công nợ bán hàng, có các giải pháp ứng phó kịp thời.
- Lựa chọn các giải pháp công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả làm việc, tránh sai sót và lưu chuyển thông tin kịp thời để nâng cao năng lực quản lý kinh doanh.

8. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014

Ban Kiểm Soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho các cổ đông để kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng Giám đốc trên cơ sở giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty. Trong năm tài chính 2014, Ban kiểm soát sẽ tiến hành các công việc theo kế hoạch sau:

- Báo cáo hoạt động trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014.
- Tổ chức xem xét và kiểm tra các báo cáo tài chính quý, sáu tháng và cả năm của công ty. Xem xét những vấn đề còn tồn tại từ báo cáo tài chính; kiểm tra việc khắc phục các sai sót.
- Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư.
- Thực hiện các công tác khác theo quy định.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét thông qua.

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG
TRƯỞNG BAN
LÂM NGUYỄN QUỐC NGHĨA

VII. CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. **Tổ chức, Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng:**
Không

2. **Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng nắm giữ:**
Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ của “Công ty TNHH TĐH”, GCNĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ: Lô C11-C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An. Đây là nhà máy và kho hàng của Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng.

3. **Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:**

3.1. Các dự án đầu tư:

- Công CP Tân Đại Hưng đã tham gia góp vốn vào các công ty:
 - Góp 1,0 tỷ vào vốn hoạt động của Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Tân Đô.
 - Góp 10 tỷ (10% vốn) thành lập Công ty CP Đầu tư xây dựng và dịch vụ hạ tầng Á Châu, kinh doanh cảng ICD và kho bãi Tân Cảng Cái Mép và 2 KCN tại tỉnh BRVT.
 - Các dự án này vẫn trong giai đoạn đầu tư, chưa sinh lợi (và đang gặp khó khăn do tình hình chung của thị trường đầu tư Bất động sản).
 - Góp 2,1 tỷ thành lập Công ty CP Thuận Đức (chuyên tái sinh bao bì nhựa).
- Trong năm 2013, việc chuyển nhượng sang tên bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được mua từ năm 2011 của Công ty TNHH Đại Hưng chưa thực hiện được thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Để đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục và không có biến động, Cty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng đã thuê dài hạn, và sử dụng tài sản này để đảm bảo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Á Châu. Cty TNHH Đại Hưng đã cam kết sẽ nhanh chóng hoàn tất các thủ tục để có thể chuyển nhượng cho Cty Tân Đại Hưng theo đúng quy định của pháp luật.

3.2. **Các khoản đầu tư cổ phiếu và đầu tư khác đến năm báo cáo tài chính 31 tháng 12 năm 2013 được thể hiện như sau:**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		22.844.447.615		22.844.447.615
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	3	198.949	3	198.949
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	532.847	11.300.000.000	532.847	11.300.000.000
Công ty cổ phần văn hóa Tân Bình	193.976	10.544.248.666	193.976	10.544.248.666
Công ty cổ phần đầu tư cơ sở hạ tầng Tân Đô	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		12.100.000.000		10.000.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ đầu tư hạ tầng Á Châu	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Công Ty Cổ Phần Thuận Đức		2.100.000.000		
Cộng		34.944.447.615		32.844.447.615

3.3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

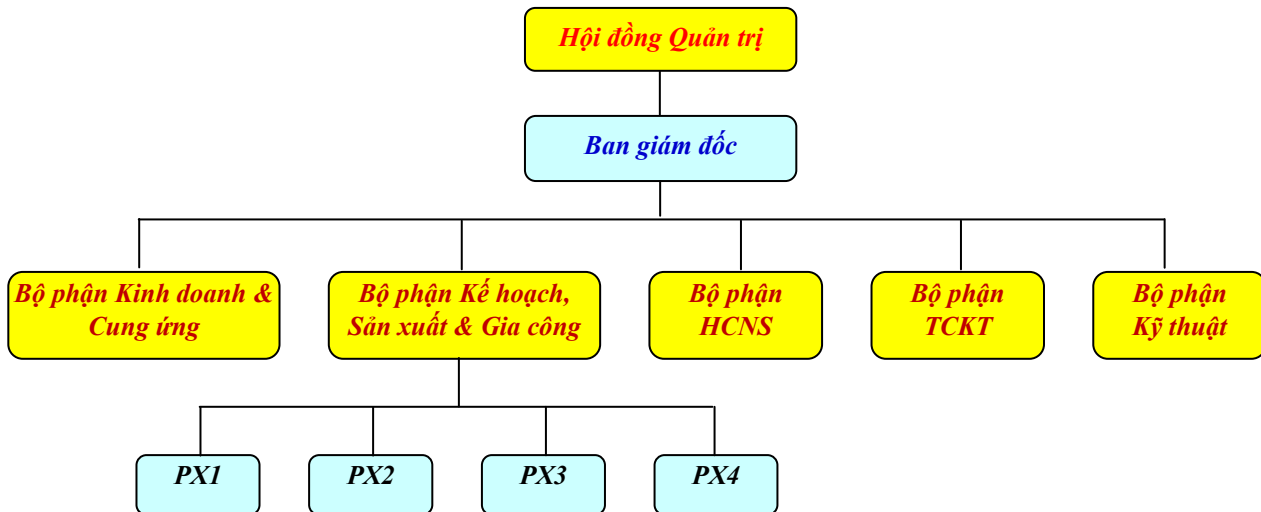
□ Số đầu năm	9.676.755.315
□ Trích lập dự phòng bổ sung	3.232.630.700
□ Số cuối năm	12.909.386.015

3.4. **Trong năm 2013 đã nhận cổ tức từ các khoản đầu tư cổ phiếu và đầu tư khác được thể hiện như sau:**

Đơn vị Đầu tư	Nội dung đầu tư	Tiền đầu tư	Cổ tức nhận được
Ngân hàng EXIMBank	Cổ phiếu	11,300,000,000	293.065.850
Cty ALTA	Cổ phiếu	10,500,000,000	0
Cộng			293.065.850

VIII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. CƠ CẤU TỔ CHỨC:



2. SỐ LƯỢNG CBNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

2.1. Cơ cấu nguồn nhân lực công ty tại thời điểm 31/12/2012 như sau:

Năm	TS Lao động (31/12)			Trình độ								Thời gian làm việc (năm)				
	Cộng	Nam	Nữ	CI	CII	CIII	TC	CD	ĐH	>ĐH	<01	1 đến 3	> 3 đến 5	> 5 đến 9	> 10 năm	
2011	732	60.5%	39.5%	7.0%	59.2%	22.3%	4.0%	2.7%	4.5%	0.4%	23.6%	28.7%	15.7%	15.3%	16.7%	
2012	728	59.1%	40.9%	6.5%	58.9%	23.8%	3.8%	2.1%	4.5%	0.4%	23.4%	31.9%	9.1%	18.1%	17.6%	
2013	BGD		15	5			4	0	13	3	2	1		4	13	
	QL SX		55	11	1	30	22	2	3	8	11	3	11	10	31	
	NV NV KT		66	31	3	22	18	25	9	22	21	15	12	33	18	
	CN SX		326	231	50	376	129	1	1		147	142	90	108	70	
	Cộng	742	464	278	53	428	169	32	13	43	3	170	232	66	132	128
Tỷ trọng		62.5%	37.5%	7.1%	57.8%	22.8%	11.3%	1.8%	5.8%	0.4%	24.4%	21.7%	15.2%	20.9.1%	17.8%	

2.2. Cơ cấu lao động cuối năm 2013 như sau:

- Cán bộ quản lý điều hành: = 11.6%
- Nhân viên nghiệp vụ kỹ thuật: = 13.3%
- CN trực tiếp sản xuất: = 75.1%

2.3. Chính sách đãi ngộ đối với người lao động:

- Duy trì đầy đủ các chính sách đãi ngộ đối với người lao động (Lương tháng 13, thưởng thâm niên, thưởng thành tích ABC, thưởng sáng kiến, tặng quà tất cả dịp lễ tết, đãi thọ suất ăn giữa ca, trích đóng thay các khoản bảo hiểm, bố trí ở tại khu lưu trú miễn phí, xe đưa đón, tham quan nghỉ mát hàng năm và khám sức khỏe định kỳ...).
- Thu nhập trực tiếp của CBNV tăng 13,6% so với 2012, tiền thưởng cuối năm tăng hơn 3.26% so với 2012, tổng thu nhập người lao động tăng 13.8% so với 2012.

3. TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Chức danh trong BGD	Ngày bổ nhiệm
1	Phạm Đỗ Diễm Hương	Nữ	1989	ĐH K/Tê	Tổng Giám Đốc	30/05/2013
2	Phạm Văn Mạo	Nam	1963	TC H/chính	Phó tổng giám đốc	01/06/2013
3	Tôn Thị Hồng Minh	Nữ	1974	ĐH K/Tê	Phó tổng giám đốc	19/10/2013
4	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	1962	ĐH TCKT	GD Tài chính	11/08/2007
5	Trần Hữu Vinh	Nam	1977	ĐH K/Tê	GD Sản xuất & Gia công	11/08/2007

4. THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG BAN GIÁM ĐỐC:

- Thay đổi chức danh: Cô Phạm Đỗ Diễm Hương đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật kiêm Tổng giám đốc từ ngày 30/05/2013.
- Bổ sung chức danh:
 - Bổ nhiệm Ông Phạm Văn Mẹo “Giám đốc nhà Máy Cty TNHH TĐH ” đảm nhiệm chính thức vị trí “ phó tổng giám đốc Công Ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng ” từ ngày 01/06/2013. có trách nhiệm và quyền hạn giải quyết công việc điều hành của tổng giám đốc khi tổng giám đốc vắng mặt.
 - Bổ nhiệm Cô Tôn Thị Hồng Minh “ Giám đốc Kinh doanh” đảm nhiệm chính thức vị trí “Phó tổng giám đốc thứ 02” có trách nhiệm và quyền hạn giải quyết, điều hành khối kinh doanh, cung ứng, kỹ thuật sản xuất từ ngày 19/10/2013.

5. CHÍNH SÁCH ĐÃ NGỒ ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC:

- Tiền lương và chế độ thu nhập của BGD công ty được thực hiện theo thỏa thuận trực tiếp giữa HĐQT với từng cá nhân khi tuyển dụng và bổ nhiệm, phù hợp với các qui định chung và trách nhiệm được giao, đáp ứng sự cạnh tranh nhân lực cấp trung cao.
- Các thành viên trong BGD đều không vay nợ của công ty và không cho công ty vay, không ký kết các hợp đồng kinh tế với công ty.

6. SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA BGD CÔNG TY:

TT	Họ và tên	Chức danh	TSCP sở hữu	Tỷ lệ /TSCP
1	Cô.Phạm Đỗ Diễm Hương	Tổng Giám Đốc	896,700	4,22%
2	B.Tôn Thị Hồng Minh	Phó tổng giám đốc	104,000	0.49%
3	B.Nguyễn Thị Thanh Loan	GĐTC& Kế toán trưởng	127,160	0.59%
4	Ô.Phạm Văn Mẹo	Phó tổng giám đốc	35,000	0.14%
5	Ô.Trần Hữu Vinh	GĐ.SX&GC	32,400	0.13%

- Giao dịch cổ phiếu TPC của BGD trong năm 2013: không có giao dịch*

IX. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1.1. Tóm tắt Lý lịch cá nhân của HĐQT và BKS:

Hội Đồng Quản Trị:

TT	Họ và tên	Giới tính	N.sinh	Trình độ	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Cô Phạm Đỗ Diễm Hương	Nữ	1989	ĐH K/Té	CT HĐQT	30/05/2013	Tổng Giám Đốc
2	Ông Nguyễn Văn Hùng	Nam	1952	ĐH K/Té	Phó CTH ĐQT	30/05/2013	Thường trực
3	Ông Phạm Văn Mẹo	Nam	1963	TC H/C	Phó CTH ĐQT	01/06/2013	Phó tổng GĐ
4	Bà Tôn Thị Hồng Minh	Nữ	1974	ĐH K/Té	T/v HĐQT	19/10/2013	Phó tổng GĐ
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	1962	ĐHTC KT	T/v HĐQT	06/04/2012	GĐ Tài Chính
6	Ông Trần Hữu Vinh	Nam	1977	ĐH KTé	T/v HĐQT	06/04/2012	GĐ SX & GC
7	Ông Huỳnh Thanh Tuấn	Nam	1969	ĐH H.chất	T/v HĐQT	06/04/2012	T.viên độc lập

Ban Kiểm Sát:

TT	Họ và tên	Giới tính	N.sinh	Trình độ	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Nam	1976	Cao Học	Trưởng BKS	06/04/2012	
2	Bà Đào Thanh Tuyền	Nữ	1973	Cao Học	Ủy viên BKS	06/04/2012	
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Nữ	1978	ĐH N.T	Ủy viên BKS	06/04/2012	

1.2. Những thay đổi nhân sự của HĐQT và BKS:

- Danh sách Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nêu trên đã được bầu ra trong ĐHĐCĐ thường niên ngày 06/04/2013, nhiệm kỳ III (2012-2016), gồm 7 thành viên, trong đó còn có Ông Ông Phạm Trung Cang, Chủ Tịch HĐQT; và đã xin từ nhiệm vào ngày 19/09/2012
- Tại Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 30/05/2013, Ông Nguyễn Văn Hùng, Chủ Tịch HĐQT tạm thời, đã xin từ nhiệm Chủ Tịch HĐQT và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT, kết quả Chị Phạm Đỗ Diễm Hương đắc cử 99,78%.
- HĐQT đã quyết định bầu Chị Phạm Đỗ Diễm Hương đảm nhiệm chức danh Chủ Tịch HĐQT là người đại diện pháp luật Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng và Ông Nguyễn Văn Hùng là Phó chủ tịch HĐQT thứ nhất và Chị Tôn Thị Hồng Minh phó chủ tịch HĐQT thứ hai kể từ ngày 30/05/2013.

1.3. Thù lao và quyền lợi của thành viên HĐQT và BKS:

- Thù lao, các khoản lợi ích và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát được thực hiện đúng theo quyết nghị của Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên 2013 là:
 - ✓ Hội Đồng Quản Trị: thù lao mỗi quý là 20.000.000 đồng/người, tổng chi phí thù lao cho 07 thành viên HĐQT trong năm 2013 là 560 triệu đồng. Ban Kiểm soát: thù lao mỗi quý là 15.000.000 đồng/người, tổng chi phí thù lao cho 03 thành viên BKS trong năm 2013 là 180 triệu đồng.
 - ✓ Tổng thù lao của HĐQT và BKS năm 2013 là 740 triệu đồng.
- Không có giao dịch kinh doanh trực tiếp từ những cá nhân trong HĐQT và BKS với công ty, giao dịch kinh doanh từ tổ chức nơi họ làm việc với công ty được thực hiện minh bạch, đúng pháp luật và hợp đồng kinh tế; không có xung đột lợi ích giữa cá nhân HĐQT và BKS hoặc tổ chức nơi họ làm việc với công ty.

1.4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và BKS (đến 31/12/2013):

TT	Họ và tên	Chức danh	Số SP sở hữu	Tỷ lệ (%)
HĐQT				
1	Cô. Phạm Đỗ Diễm Hương	CT.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	896,700	3,67%
2	Ô. Nguyễn Văn Hùng	Phó CT.HĐQT	26,400	0.11%
3	B. Tôn Thị Hồng Minh	Phó CTHĐQT & Phó tổng GD.	104,000	0.49%
4	Ô. Phạm Văn Mạo	Phó Tổng giám đốc	35,000	0.14%
5	B. Nguyễn Thị Thanh Loan	GDTC. Kiêm Kế toán trưởng	127.160	0.52%
6	Ô. Huỳnh Thanh Tuấn	Thành Viên HĐQT	120,000	0.49%
7	Ô. Trần Hữu Vinh	GD.KHSX	32,400	0.13%
BKS				
1	Ô. Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng BKS	2.050	0.009%
2	B. Nguyễn Thị Hồng Cúc	Ủy viên BKS	24,000	0.10%
3	B. Đào Thanh Tuyền	Ủy viên BKS	33,600	0.14%

□ Giao dịch của “Cổ đông nội bộ” trong năm 2013:

Tổ chức / người giao dịch	Chức danh	SLCP trước GD	Kết quả		SLCP sau GD
			Mua	Bán	
Ô. Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng BKS	20,050		18,000	2,050
B. Đào Thanh Tuyền	UV.BKS	33,600			33,600

□ Giao dịch của “Người có liên quan” trong năm 2013: không

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT:

2.1. Tóm lược hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2013:

1. HĐQT đã tổ chức thành công Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2013 vào ngày 30/05/2013 đúng các qui định nhà nước, điều lệ công ty và đạt các mục đích yêu cầu đề ra, bầu bổ sung một thành viên HĐQT đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật, và hai phó Chủ Tịch HĐQT.
2. Trong năm qua, HĐQT đã triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ, tập trung vào một số hạng mục:
 - Nhận định, dự báo và định hướng hoạt động công ty trong từng quý, tháng.
 - Quyết định chế độ tiền lương mới năm 2013 tăng thu nhập người lao động trực tiếp sản xuất lên 13 %; quyết định thanh lý và đầu tư mới 1 số máy móc thiết bị.

- Quyết định một số chính sách tài chính đối với một số cơ sở gia công dựa trên khả năng tài chính của công ty nhằm hỗ trợ phát triển và thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa hai bên.
 - Hoàn tất chi trả cổ tức năm 2012 theo nghị quyết ĐHĐCĐ.
3. Do Công ty TNHH Đại Hưng (*bên bán*) chưa hoàn tất thủ tục quyền sử dụng đất, vì vậy, công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng (*bên mua*) phải ký hợp đồng thuê dài hạn và dùng tài sản này để đảm bảo hạn mức tín dụng vay tại NH ACB.
 4. Quy chế quản trị công ty, qui chế công bố thông tin được HĐQT thực hiện nghiêm túc, tuân thủ đúng chế độ báo cáo đến các cơ quan thẩm quyền. Các thành viên HĐQT và BKS thể hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ đúng theo điều lệ, nắm vững tình hình và giám sát hiệu quả.
 5. Dù ĐHĐCĐ đã quyết nghị chuyển hạng mục đầu tư chứng khoán ALT và EIB của công ty từ dài hạn sang ngắn hạn, cho phép HĐQT được thanh lý các chứng khoán này, tuy nhiên, HĐQT đã quyết định không thực hiện vì nhận định không có lợi khi thanh lý trong bối cảnh chung của thị trường chứng khoán năm 2013 nêu trên, thị giá các loại chứng khoán này cũng chưa phản ánh đúng giá trị.
 6. HĐQT cũng đã xem xét và quyết định tiếp tục duy trì đầu tư tại Cty CP Đầu tư và DV Hạ tầng Á Châu (*kinh doanh xây dựng dịch vụ cảng Cái Mép*).

2.2. Tổ chức của Hội Đồng Quản Trị:

- HĐQT công ty không có tiểu ban. Chủ tịch HĐQT điều hành hoạt động của HĐQT đúng theo điều lệ, qui chế, các mục tiêu chương trình đã được ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định.
- Các thành viên độc lập trong HĐQT (*cũng như tất cả các thành viên HĐQT và BKS*) đều được chia sẻ đầy đủ kịp thời các thông tin nội bộ; sâu sát nắm vững tình hình; phát huy vai trò tư vấn, tham gia trong hoạch định, quyết định các chủ trương kế hoạch và giám sát các hoạt động của công ty, thể hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm đúng theo điều lệ công ty.
- HĐQT vẫn duy trì mời ông Phạm Trung Cang, nguyên chủ tịch HĐQT, tham gia hoạt động “*cố vấn cho HĐQT*” cho đến nay.

2.3. Tóm lược hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2013:

- Ban kiểm soát hoạt động độc lập do Trưởng BKS điều hành, duy trì đầy đủ chế độ hội họp định kỳ, thực hiện đúng trách nhiệm quyền hạn.
- Quan hệ giữa Ban kiểm soát/kiểm soát viên với HĐQT cũng như với tất cả tổ chức và hoạt động của công ty được thực hiện đúng theo điều lệ và qui chế quản trị. Các thành viên Ban kiểm soát đều được HĐQT mời tham dự (*dự thính*) tất cả các cuộc họp định kỳ của HĐQT để trực tiếp nêu ý kiến và góp ý cho HĐQT trước khi quyết định các chủ trương quyết sách và mục tiêu kế hoạch quý/năm và các kế hoạch dự án của công ty.

2.4. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả quản trị công ty trong thời gian tới:

- Chủ Tịch HĐQT và các thành viên HĐQT đồng tâm ủng hộ những cải tiến quản trị điều hành Công ty.
- Phát huy hơn nữa vai trò của Ban kiểm soát trong giám sát tổ chức hoạt động của công ty.
- Tăng cường quan hệ cổ đông đúng theo điều lệ, qui chế công ty và qui định của nhà nước.
- Phát huy những lợi thế, tìm kiếm cơ hội đầu tư trong phạm vi sở trường của công ty.

2.5. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- HĐQT: Có 6/6 thành viên đã có những chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.
- BKS: Có 2/3 thành viên đã có những chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.
- BGD: Có 4/5 thành viên đã có những chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

3. CÁC DỮ LIỆU THÔNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG:

(Theo CV số 351/2014-TPC/VSD-ĐK do TTLKCK TPHCM ký ngày 01/04/2014)

		TS người sở hữu		TS CK sở hữu		TS quyền phân bổ	
		Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký
Trong nước	Cá nhân	976	23	6,360,226	11,220,350	6,360,226	11,220,350
	Tổ chức	14	3	723,062	2,543,016	723,062	2,543,016
	Cổ phiếu quỹ	1		3,161,640		3,161,640	
	Cộng trong nước	991	26	7,083,288	13,763,366	7,083,288	13,763,366

Nước ngoài	Cá nhân	17	0	408252	-	408252	-
	Tổ chức	3	0	14050	-	14050	-
	Cộng nước ngoài	20	-	422,302	-	422,302	-
Tổng cộng	Cá nhân	993	23	6,768,478	11,220,350	6,768,478	11,220,350
	Tổ chức	17	3	737,112	2,543,016	737,112	2,543,016
	Cổ phiếu quỹ	1	-	3,161,640	-	3,161,640	-
	Tổng cộng chung	1,011	26	10,667,230	13,763,366	7,505,590	13,763,366

2.1. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

2.2. Các cổ đông lớn của công ty:

TT	Tên cổ đông	Quốc tịch	TSCP sở hữu	% Sở hữu/TSCP
1	Lê Thị Mỹ Hạnh	Viet Nam	3,382,590	13.9%
2	Phạm Trung Cang	Viet Nam	3,223,220	13.2%

2.3. Tình hình giao dịch liên quan của các “Cổ đông lớn”: không giao dịch

X. THÔNG TIN KHÁC

1. NHỮNG HOẠT ĐỘNG TỪ THIÊN:

- Quan điểm của Công ty là không sử dụng hoạt động từ thiện để quảng cáo hay PR cho công ty.
- Trong năm 2013, đã tham gia tất cả các cuộc vận động từ thiện (với mức độ khác nhau): chăm sóc trẻ em nghèo do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức, các cuộc vận động của địa phương (trụ sở văn phòng và nhà máy) để ủng hộ chăm lo Tết giáp Ngọ 2014 cho người nghèo.

2. NHỮNG HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Công ty thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải vào môi trường, hệ thống thoát nước sinh hoạt được thu gom chung vào hệ thống của cụm công nghiệp, tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (kể cả tại khu lưu trữ).
- Kết quả kiểm tra của các cơ quan chức năng tại nhà máy trong năm 2013 đã thừa nhận những hoạt động trên của công ty.

Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng, ngày 10/04/2014

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT

PHẠM ĐỖ ĐIỂM HƯƠNG